TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HUYỆN TD** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/DS - ST
Ngày 30 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hanh.

2. Bà Nguyễn Thị Nghị.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST - DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST – DS ngày 16 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Ngọc M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn YQ, xã BĐ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Phương A, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn 7, xã KL, huyện Huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Vũ Ngọc M trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 27 tháng 6 năm 2016, chị Phạm Thị Phương A có vay của anh số tiền 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng) để giải quyết công việc gia đình. Khi vay tiền, hai bên có lập giấy vay tiền ngày 27 tháng 6

năm 2016 với nội dung chị Anh vay của anh số tiền 200.000.000đồng và hẹn đến tháng 12 tháng 2016 chị Anh sẽ trả cho anh toàn bộ số tiền trên. Khi vay hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Khi đến hạn trả nợ, anh đã nhiều lần yêu cầu chị Anh phải trả nợ nhưng chị không trả. Ngoài số tiền vay 200.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016, anh xác định chị Anh còn khoản vay của anh số tiền 100.000.000đồng. Tổng cộng số tiền chị Anh đã vay của anh là 300.000.000đồng theo Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 27 tháng 10 năm 2018. Quá trình trả nợ chị Anh đã trả cho anh số tiền là 220.000.000đồng, còn nợ 80.000.000đồng.

Nay anh yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Phương A phải trả cho anh số tiền 80.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

- Bị đơn chị Phạm Thị Phương A trình bày: Chị Anh xác nhận về thời gian chị vay tiền, số tiền vay, thời gian trả tiền, tổng số tiền chị đã trả cho anh M, số tiền còn nợ lại, các lần chị viết giấy vay tiền như anh M trình bày là đúng.

Nay chị đồng ý với yêu cầu của anh Vũ Ngọc M yêu cầu Tòa án buộc chị phải trả cho anh số tiền 80.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên xin được trả dần số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp về kiện đòi tài sản" giữa anh Vũ Ngọc M với chị Phạm Thị Phương A theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc M yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Phương A phải trả số tiền là 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng) là có căn cứ vì tại giấy vay tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016 và Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 27 tháng 10 năm 2018 thì chị Anh vay anh M còn nợ của anh M số tiền là 80.000.000đồng, không thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn vay theo giấy vay tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016 đến tháng 12 năm 2016 và Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 27 tháng 10 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019, chị Anh cam kết trả số tiền còn nợ cho anh M. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định chị Anh đã vay của anh M số tiền là 300.000.000đồng. Đây là hợp đồng vay không có lãi. Qúa trình trả nợ, chị Anh đã trả được cho anh M số tiền là 220.000.000đồng, còn nợ 80.000.000đồng. Sau đó, chị Anh không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh M, lỗi hoàn toàn thuộc về chị Anh. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Anh đồng ý với

yêu cầu trả tiền cho nguyên đơn nhưng chị Anh xin được trả dần số tiền 80.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng về phương thức và thời gian trả nợ do các bên thoả thuận, anh M không đồng ý với quan điểm của chị Anh xin được trả dần số tiền 80.000.000đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu anh Vũ Ngọc M buộc chị Phạm Thị Phương A phải trả lại cho anh số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

[5] Về lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 27 tháng 6 năm 2016 và Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 27 tháng 10 năm 2018, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Do anh M không yêu cầu chị Anh phải thanh toán trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phương A phải chịu án phí 5% giá trị tài sản tranh chấp là 80.000.000đồng x 5% = 4.000.000đồng. Anh Vũ Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Ngọc M đối với chị Phạm Thị Phương A.

1. Buộc chị Phạm Thị Phương A phải trả cho anh Vũ Ngọc M số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Vũ Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Phạm Thị Phương A không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 trên tổng dư nợ gốc còn lại.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Phương A phải chịu 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng).

Hoàn trả anh Vũ Ngọc M 5.000.000đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0009572 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Huyện TD;
- Chi cục THADS huyện Huyện TD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Tiến Dũng